TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**
Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST Ngày: 26-3-2020 V/v ly hôn giữa chị H và anh T.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ toạ phiên toà*: Bà Bùi Thị Gấm.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Xuân Thủy

2. Bà Lê Thị Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2019/TLST - HNGĐ ngày 02-12-2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020QĐXXST-HNGĐ ngày 25-02-2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị H – sinh năm 1976

Nơi ĐKHKTT tại: Xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Thôn V, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1975

Nơi ĐKHKTT và nơi ở tại: Xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị Triệu Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25-10-2019, bản tự khai ngày 04-12-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn chị Triệu Thị H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 02-3-2005, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Sau ngày cưới anh chị sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống chung có nhiều bất hòa, hạnh phúc gia đình mất dần. Mặc dù anh chị sống chung nhà với nhau nhưng từ năm 2009 đến đầu năm 2018 anh chị không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, người nào tự lo cho cuộc sống của người đó. Đầu năm 2018 đến nay chị và anh T sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng.

Chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh T không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, không thể duy trì cuộc hôn nhân này nữa, vì vậy chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thế N, sinh ngày 29-11-2005. Hiện nay cháu N đang được chị H nuôi dưỡng, ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị vì chị có sức khỏe, có công việc và có thu nhập ổn định.

Về tài sản, công nợ và những vấn đề liên quan: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15-01-2020, ông Nguyễn Văn T là bố đẻ của anh Nguyễn Văn T trình bày như sau: Thông qua những văn bản Tòa án gửi cho anh T nên anh T biết được việc chị H xin ly hôn với anh nhưng vì lý do anh T đang đi làm nên không đến Tòa án làm việc được. Việc ly hôn là việc riêng của anh T và chị H, gia đình ông không can thiệp và không có ý kiến gì. Nếu phải ly hôn con chung của anh T, chị H là cháu Nguyễn Thế N, sinh ngày 29-11-2005 giao cho chị H nuôi dưỡng là tốt nhất.

Tại biên bản xác minh thu thập chứng cứ ngày 15-01-2020, Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định cung cấp như sau: Hiện nay anh Nguyễn Văn T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và đi về xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Triệu Thị H và anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thế N, sinh ngày 29-11-2005 cho chị Triệu Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Triệu Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định do đó Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là chị Triệu Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 02-3-2005. Như vậy hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn H phúc. Như vậy trong thời gian vợ chồng chung sống chị H và anh T không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, việc này trái với quy định tại Điều 19, Điều 21 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân của chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Triệu Thị H và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thế N, sinh ngày 29-11-2005, hiện nay cháu N đang sinh sống ổn định cùng chị H. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hội đồng xét xử xét thấy chị H có sức khỏe, có công việc và có thu nhập ổn định vì vậy đảm bảo đủ điều kiện để chăm lo cho cuộc sống cho cháu N, do đó Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 58; Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Triệu Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác liên quan: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Triệu Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử ly hôn giữa chị Triệu Thị H và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thế N, sinh ngày 29-11-2005 (hiện nay cháu N đang sinh sống cùng chị H) cho chị Triệu Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu N trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được.

Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Triệu Thị H.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở, nhưng anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Triệu Thị H.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Triệu Thị H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001866 ngày 02-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ.

Chị Triệu Thị H và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã T;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Gấm